

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 6 - 2026

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Hải Ninh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Bích Vân

2. Bà Nguyễn Thị Viên

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Kim Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Phạm Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; nơi thường trú: tổ F, khu B, phường B, tỉnh Quảng Ninh; nơi tạm trú: tổ G, khu H, phường V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** anh Vương Ngô N, sinh năm 1972; nơi thường trú: tổ F, khu B, phường B, tỉnh Quảng Ninh. Hiện đang chấp hành án tại đội 37, phân trại 6, Trại giam T thuộc Cục Cảnh sát quản lý trại giam - Cục C, Bộ C1; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh V Ngô Nam tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30/6/2015 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm; tính cách và lối sống không hợp nhau. Anh N thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Anh N nghiện ma túy và có hành vi vi phạm pháp luật, bị xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện đang đi chấp hành án tại Trại giam T nên tình cảm chị dành cho anh N không còn. Nay, chị H thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh N.

Về con chung: chị và anh V Ngô Nam có 01 con chung là Vương Gia H1, sinh ngày 28/5/2016. Chị H đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị và anh V Ngô Nam không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh V Ngô Nam không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai có xác nhận của Trại giam T, bị đơn anh Vương Ngô N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Ninh). Trong quá trình chung sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn. Nhưng, do hiện nay anh N đang đi chấp hành án tại trại giam T nên vợ chồng không chung sống cùng nhau nữa. Anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị H.

Về con chung: anh và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là Vương Gia H1, sinh ngày 28/5/2016. Do hiện tại anh N đang chấp hành án phạt tù nên anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi anh N chấp hành án xong trở về địa phương thì anh N và chị H sẽ giải quyết vấn đề nuôi con chung sau.

Về tài sản chung: anh và chị Nguyễn Thị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh và chị Nguyễn Thị H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Xác minh tại chính quyền địa phương được biết: chị Nguyễn Thị H và anh V Ngô Nam là công dân thường trú tại tổ F, khu B, phường B, tỉnh Quảng

Ninh. Quá trình sinh sống tại địa phương, chị H và anh N phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Anh N chơi bời, thường xuyên vắng nhà và vi phạm pháp luật liên quan đến tội phạm về ma túy. Anh N hiện đang phải chấp hành án phạt tù. Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Vương Gia H1, sinh năm 2016. Hiện nay, cháu H1 đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

4. Con chung của chị Nguyễn Thị H và anh V Ngô Nam là cháu Vương Gia H1, sinh ngày 28/5/2016 có nguyện vọng được ở với mẹ.

5. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Vương Ngô N; về con chung: đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vương Gia H1, sinh ngày 28/5/2016 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Vương Ngô N được ly hôn. Về con chung: giao con chung Vương Gia H1, sinh ngày 28/5/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Vương Ngô N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn có nơi cư trú trước khi đi chấp hành án tại phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường B, tỉnh Quảng Ninh). Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều

227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị H và anh Vương Ngô N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh V Ngô Nam tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30/6/2015 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của chị H và anh N phát sinh từ năm 2016, nguyên nhân xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, tính cách và lối sống không hợp nhau. Ngoài ra, anh N chơi bời, nghiện ma túy và bị xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện đang đi chấp hành án tại Trại giam T nên tình cảm chị H dành cho anh N không còn. Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Mặc dù anh N cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn, nhưng anh xác nhận hiện đang chấp hành án phạt tù, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Như vậy, xét thấy hiện anh N đang chấp hành án phạt tù, vợ chồng không còn điều kiện duy trì đời sống chung trong thời gian dài, không còn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Đồng thời, các đương sự đều thống nhất việc ly hôn. Do đó, có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh V Ngô Nam theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị H và anh V Ngô Nam có 01 con chung là Vương Gia H1, sinh ngày 28/5/2016. Chị H đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh N có quan điểm đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng được ở với mẹ của cháu Vương Gia H1, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh V Ngô Nam cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quan điểm hiện đang chấp hành án nên đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị H và anh Vương Ngô N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Vương Ngô N.

2. Về con chung: giao con chung Vương Gia H1, sinh ngày 28/5/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Vương Ngô N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Vương Ngô N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con; hoặc nhận thấy chị Nguyễn Thị H không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì anh V Ngô Nam có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000796 ngày 12/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Vương Ngô N không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hải Ninh